ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Số: TVHN-280/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 07 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước tại trạm Khánh An xuống nhanh, trạm Tân Châu và Châu Đốc lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/10 trên các sông, kênh thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 45-105cm. Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại trạm Khánh An, Châu Đốc dưới BĐ1 từ 30-35cm; trên sông Tiền tại trạm Tân Châu dưới BĐ1 65cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/10 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 20-70cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên xấp xỉ BĐ2, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới trên BĐ1 36cm, trên sông Vàm Nao tại Phú Tân dưới BĐ1 10cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/10 phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm. Mực nước cao nhất trên kênh Vĩnh Tế; kênh T3; kênh T5; kênh Tám Ngàn và kênh Tri Tôn tại Tri Tôn dưới BĐ1 từ 10-45cm. Mực nước cao nhất tại các trạm còn lại phổ biến trên BĐ1 từ 10-35cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 06/10 là 71cm (dưới BĐ1 08cm), xấp xỉ đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm theo triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên nhanh theo kỳ triều cường đầu tháng Chín (Âm Lịch). Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên khả năng trên BĐ3 20cm và trên Rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới ở mức trên BĐ2 khoảng 25cm

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn có xu thế xuống chậm theo triều trong tới ngày 09/10, sau lên chậm.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ, Mỹ Hòa Hưng; ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới....do triều cường.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 08/10/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

7	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 06/10		So với 05/10	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3						07/10	08/10	09/10	10/10	11/10
Tiền	Tân Châu	350	400	**450**	Hmax	**285**	1 ◀▶	-89 ▼	-77 ▼	283	286	289	292	295
					Hmin	**243**	-2 ▼	-102 ▼	-104 ▼	239	242	245	247	250
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	**300**	Hmax	**236**	7 ▲	-56 ▼	-21 ▼	244	250	255	265	275
					Hmin	**157**	-1 ◀▶	-72 ▼	-63 ▼	159	163	167	174	180
Hậu	Khánh An	420	470	**520**	Hmax	**385**	-8 ▼	-91 ▼	-47 ▼	377	370	364	359	354
					Hmin	**378**	-7 ▼	-93 ▼	-49 ▼	370	364	359	354	349
	Châu Đốc	300	350	**400**	Hmax	**270**	4 ▲	-53 ▼	-56 ▼	272	274	276	278	280
					Hmin	**224**	-2 ▼	-66 ▼	-85 ▼	219	222	225	228	230
	Long Xuyên	190	220	**250**	Hmax	**219**	14 ▲	-37 ▼	8 ▲	231	240	250	260	270
					Hmin	**120**	0 ◀▶	-46 ▼	-34 ▼	123	130	137	147	157
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	**330**	Hmax	**240**	9 ▲	-53 ▼	-32 ▼	246	253	260	270	275
					Hmin	**171**	1 ◀▶	-68 ▼	-69 ▼	168	173	177	184	190
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	**400**	Hmax	**292**	-5 ▼	-23 ▼	-19 ▼	287	282	277	272	267
					Hmin	**287**	-5 ▼	-21 ▼	-21 ▼	282	277	272	267	262
	Vĩnh Gia	200	240	**280**	Hmax	**156**	-2 ▼	13 ▲	-17 ▼	154	152	150	150	150
					Hmin	**154**	-2 ▼	13 ▲	-16 ▼	152	150	148	148	148
	Vĩnh Điều	170	200	**230**	Hmax	**145**	1 ◀▶	22 ▲	23 ▲	143	141	139	139	139
					Hmin	**141**	-1 ◀▶	21 ▲	23 ▲	141	139	137	137	137
T3	Vĩnh Phú	150	180	**210**	Hmax	**127**	-1 ◀▶	16 ▲	15 ▲	125	123	121	121	121
					Hmin	**124**	-1 ◀▶	14 ▲	16 ▲	123	121	119	119	119
T5	Nông Trường	160	190	**220**	Hmax	**141**	4 ▲	21 ▲	22 ▲	139	137	135	135	135
					Hmin	**135**	-1 ◀▶	16 ▲	20 ▲	137	135	133	133	133
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	**280**	Hmax	**186**	-6 ▼	-11 ▼	-25 ▼	182	183	184	185	186
					Hmin	**183**	-3 ▼	-11 ▼	-25 ▼	180	178	179	180	181
	Cô Tô	140	180	**220**	Hmax	**178**	-3 ▼	11 ▲	16 ▲	174	175	176	177	178
					Hmin	**175**	-2 ▼	10 ▲	15 ▲	172	170	171	172	173
	Nam Thái Sơn	90	120	**150**	Hmax	**117**	0 ◀▶	10 ▲	22 ▲	113	114	115	116	118
					Hmin	**115**	-1 ◀▶	9 ▲	21 ▲	112	110	112	114	116
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	**250**	Hmax	**153**	-2 ▼	17 ▲	-16 ▼	149	150	151	152	154
					Hmin	**150**	-1 ◀▶	16 ▲	-16 ▼	147	145	147	149	151
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	**220**	Hmax	**172**	-4 ▼	2 ▲	9 ▲	168	169	170	171	173
					Hmin	**168**	0 ◀▶	3 ▲	8 ▲	165	163	165	167	169
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	**270**	Hmax	**214**	-5 ▼	-30 ▼	-13 ▼	214	218	220	225	230
					Hmin	**200**	-1 ◀▶	-33 ▼	-20 ▼	198	201	204	207	210
RG-LX	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**158**	-4 ▼	-9 ▼	-14 ▼	160	163	165	170	175
					Hmin	**142**	0 ◀▶	-11 ▼	-24 ▼	142	146	149	152	155

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**130**	-4 ▼	7 ▲	15 ▲	126	127	128	129	131
					Hmin	**126**	-2 ▼	7 ▲	16 ▲	123	121	123	125	127
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**105**	-5 ▼	9 ▲	1 ◀▶	103	104	105	106	108
					Hmin	**103**	-2 ▼	9 ▲	2 ▲	98	96	98	100	102
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**67**	0 ◀▶	16 ▲	14 ▲	65	60	55	55	60
					Hmin	**19**	7 ▲	13 ▲	18 ▲	17	15	13	11	9
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**71**	-1 ◀▶	23 ▲	24 ▲	61	51	41	51	60
					Hmin	**-2**	9 ▲	11 ▲	14 ▲	-3	-4	-5	-7	-9

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

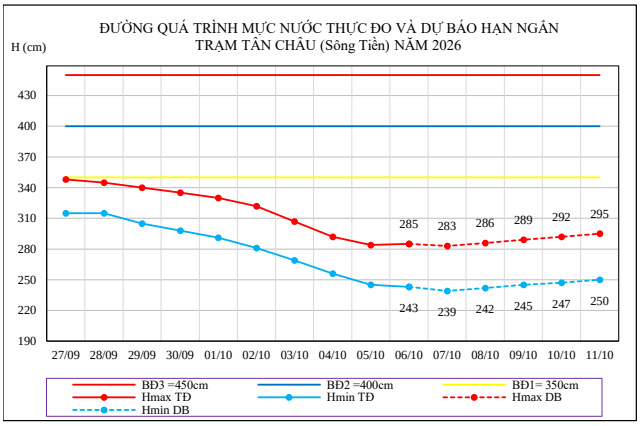

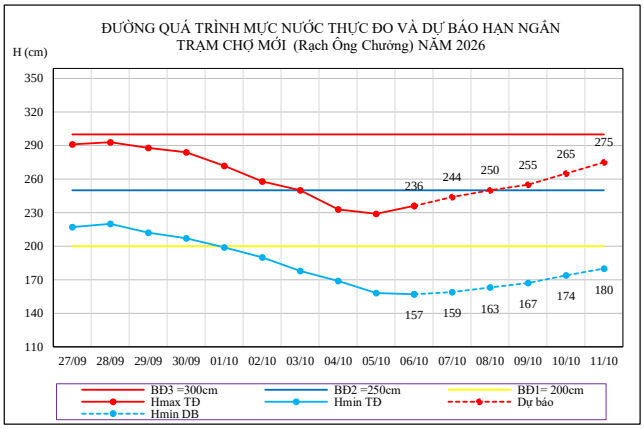

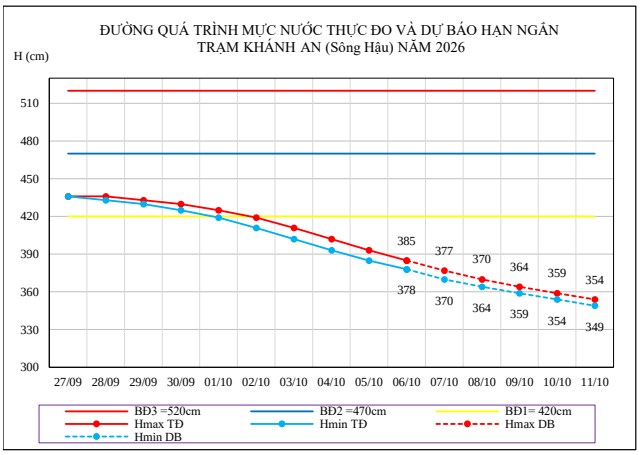

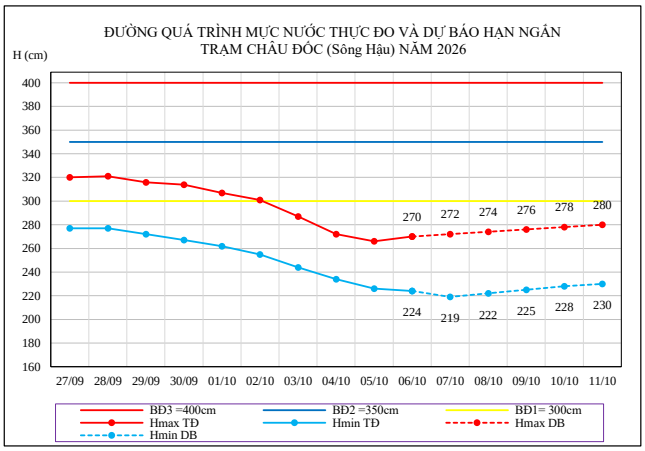

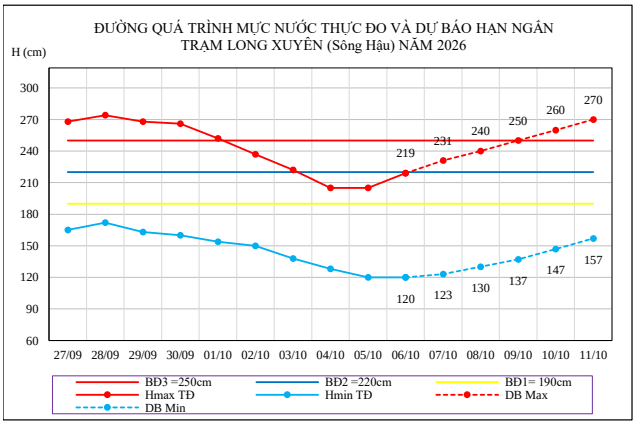

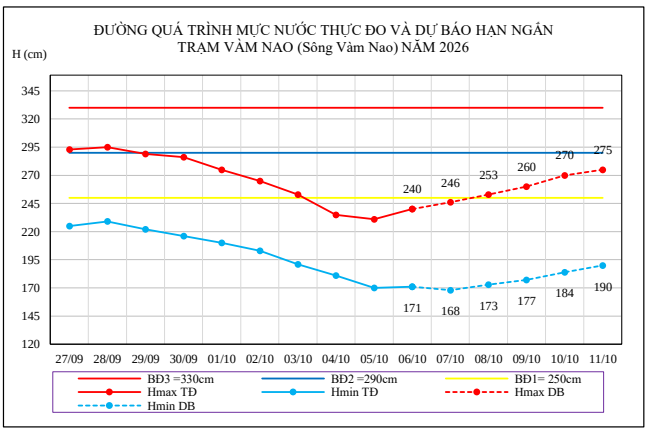

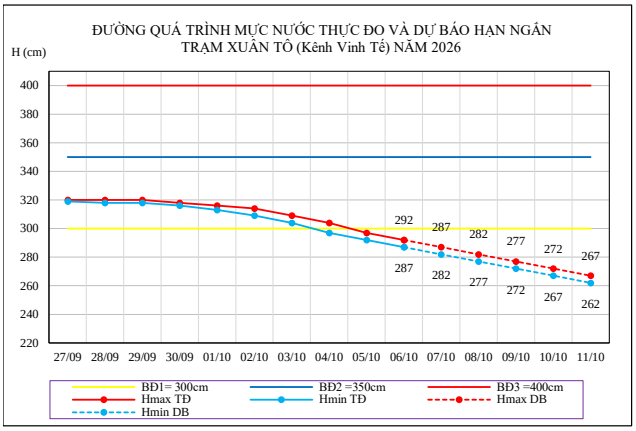
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

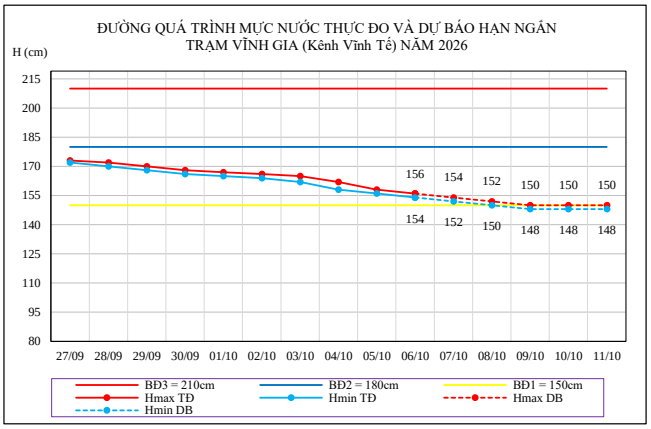
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

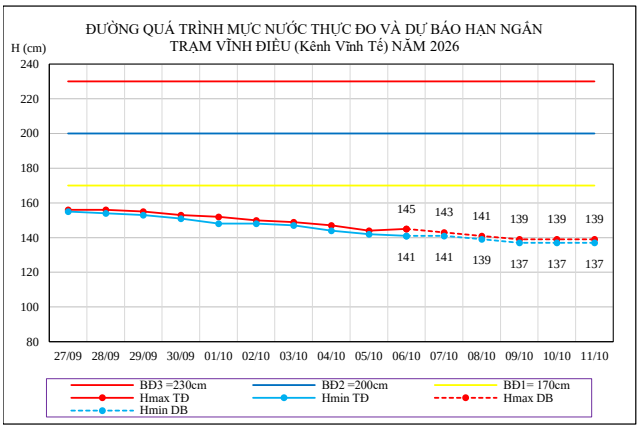
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

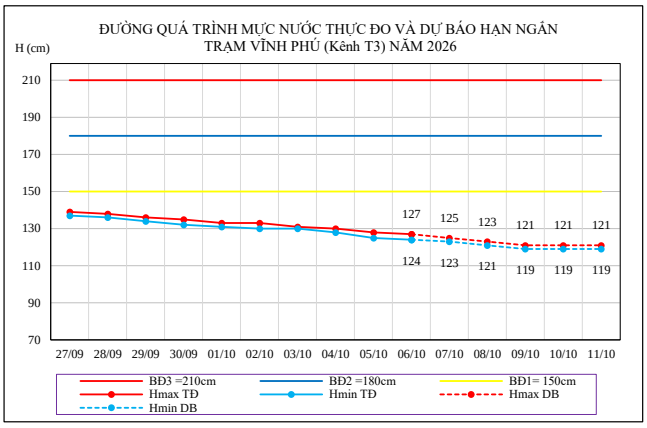
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

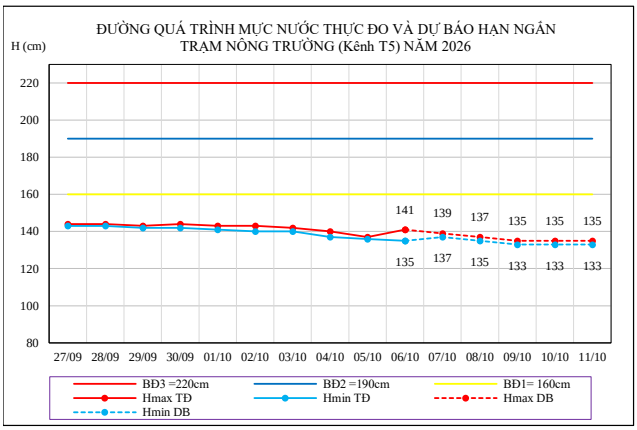
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

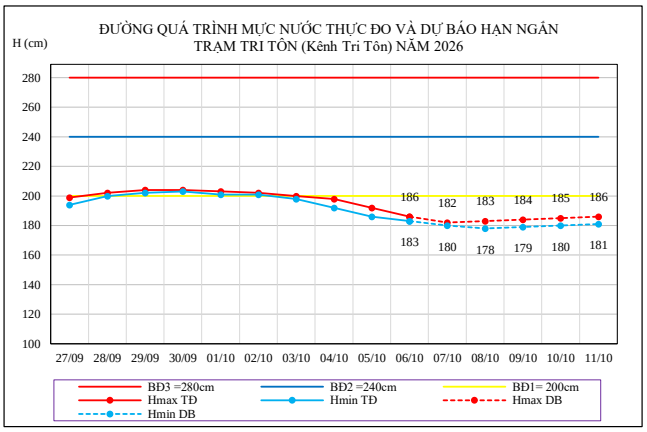
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

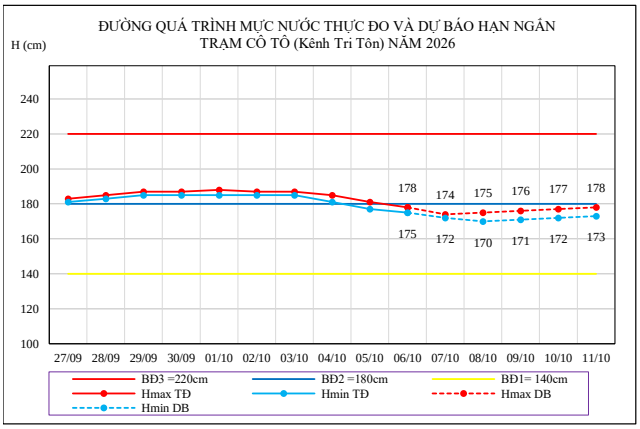
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CÔ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

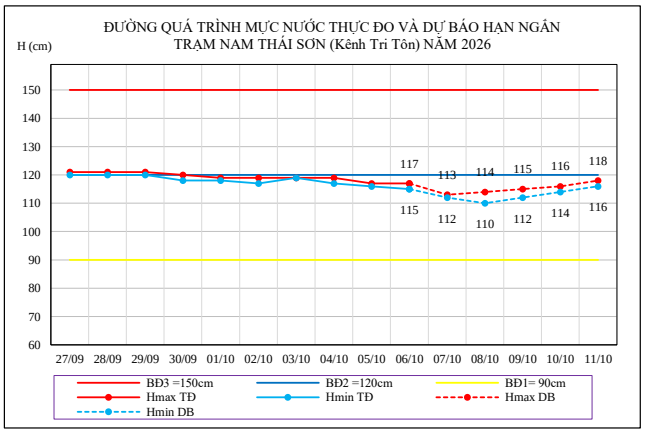
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

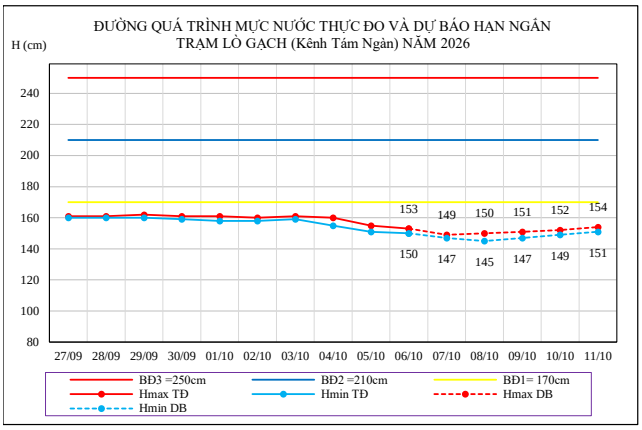
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

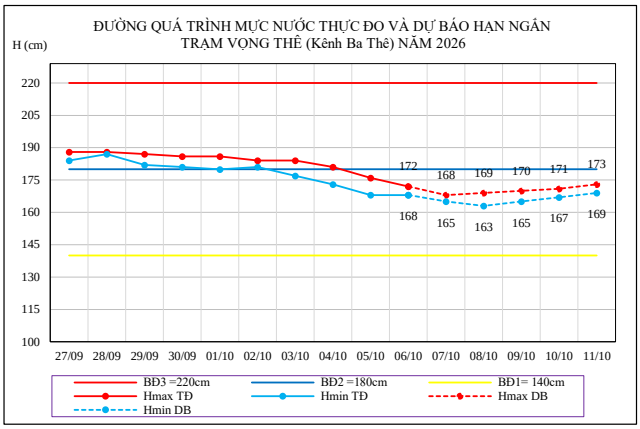
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

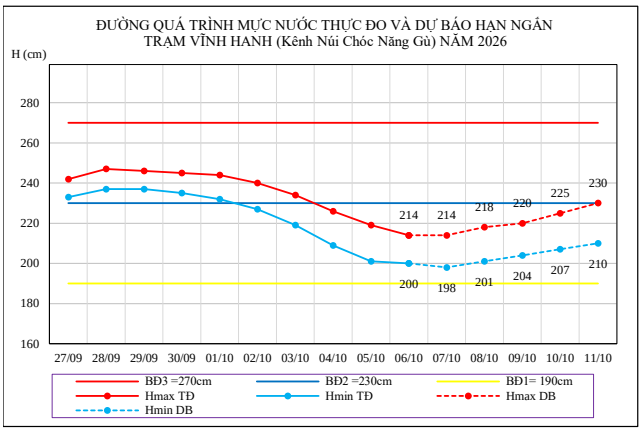
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

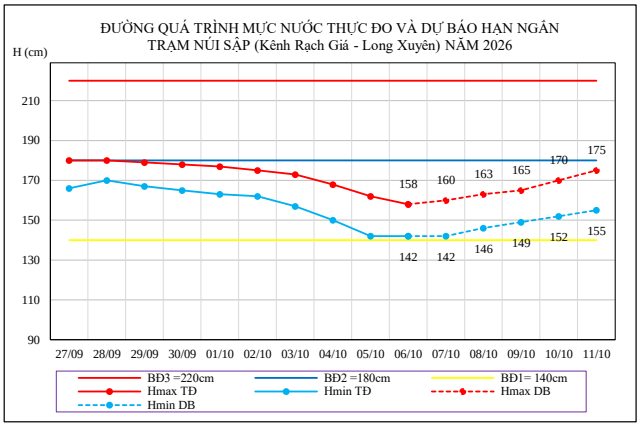
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

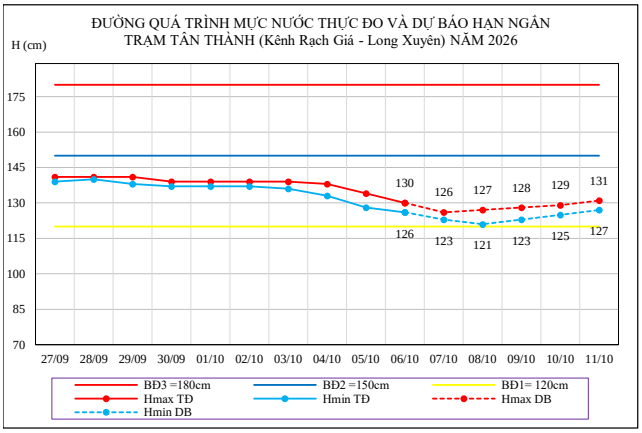
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

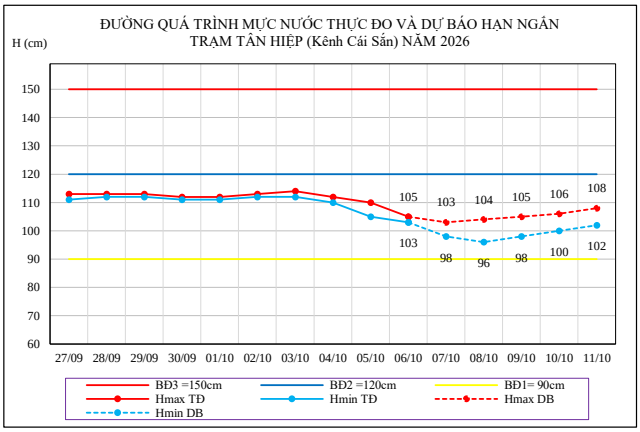
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

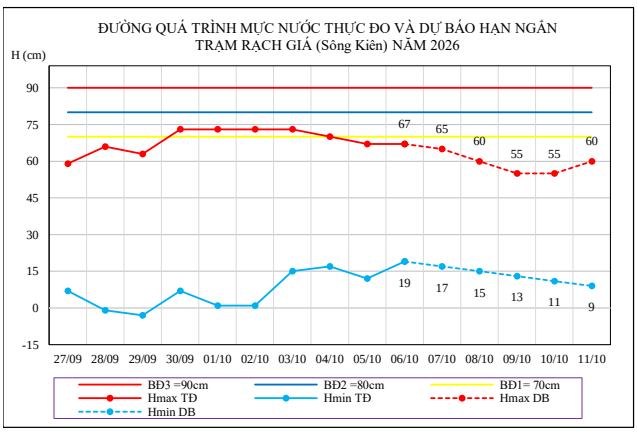
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

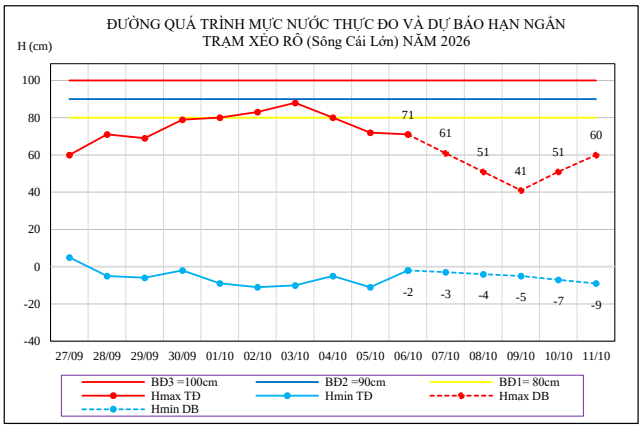
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB